

THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN TƯ DUY SÁNG TẠO CHO HỌC SINH LỚP 4 TRONG DẠY HỌC GIẢI TOÁN TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THUỘC PHƯỜNG BÌNH THỚI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Tâm

Học viên cao học K13, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: tamnguyen120578@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu trình bày kết quả khảo sát thực trạng rèn luyện tư duy sáng tạo (TDST) cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học giải toán tại các trường Tiểu học trên địa bàn Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy mặc dù giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của TDST theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhưng việc triển khai thực tế còn nhiều hạn chế, học sinh vẫn còn thói quen tư duy rập khuôn và thụ động. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân, nghiên cứu đề xuất 03 biện pháp sư phạm trọng tâm gồm: rèn luyện các thao tác tư duy cơ bản; xem xét vấn đề đa chiều để tìm nhiều cách giải; và đánh giá, lựa chọn giải pháp tối ưu. Các biện pháp này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh trong môn Toán tại địa phương.

Từ khóa: Tư duy sáng tạo, giải toán, học sinh lớp 4, thực trạng, giáo dục tiểu học.

THE REALITY AND MEASURES OF TRAINING CREATIVE THINKING FOR 4TH-GRADE STUDENTS IN TEACHING MATHEMATICAL PROBLEM SOLVING AT PRIMARY SCHOOLS IN BINH THOI WARD, HO CHI MINH CITY

Abstract: The study presents survey results on the reality of training creative thinking for 4th-grade students through teaching mathematical problem-solving at primary schools in Binh Thoi Ward, Ho Chi Minh City. The results show that although teachers recognize the importance of creative thinking under the 2018 General Education Program, practical implementation remains limited, and students still maintain stereotypical and passive thinking habits. Based on the cause analysis, the study proposes three key pedagogical measures: training basic thinking operations; considering problems from multiple perspectives to find various solutions; and evaluating and selecting optimal solutions. These measures aim to contribute to improving the effectiveness of developing students' creative capacities in Mathematics.

Keywords: Creative thinking, problem solving, 4th grade students, reality, primary education.

Nhận bài: 20/11/2025

Phản biện: 18/12/2025

Duyệt đăng: 22/12/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo đã trở thành mục tiêu then chốt nhằm hình thành thế hệ người học năng động, có khả năng thích ứng cao (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Ở bậc Tiểu học, môn Toán đóng vai trò nền tảng trong việc rèn luyện tư duy, đặc biệt là TDST thông qua hoạt động dạy học giải toán. Đây là giai đoạn quan trọng khi học sinh lớp 4 bắt đầu chuyển từ tư duy trực quan sang tư duy trừu tượng và khái quát hóa (Vũ Quốc Chung, 2007). Việc bồi dưỡng các thành tố của TDST như tính linh hoạt, tính nhuần nhuyễn và tính độc đáo không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức mà còn hình thành những phương thức giải quyết vấn đề tối ưu trong thực tiễn (Tôn Thân, 2002).

Tuy nhiên, thực tế dạy học tại các trường tiểu học hiện nay vẫn tồn tại những hạn chế khi việc truyền thụ kiến thức còn nặng về rèn luyện kỹ năng theo các dạng bài tập mẫu, dẫn đến tình trạng học sinh giải toán dựa trên sự ghi nhớ máy móc (Trần Thúc Trình, 2003). Tại địa bàn Phường

Bình Thới, mặc dù hệ thống thiết bị dạy học được đầu tư hiện đại, nhưng việc khai thác nguồn lực này để kích thích tiềm năng sáng tạo của học sinh vẫn chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục, nghiên cứu tập trung khảo sát và phân tích thực trạng nhận thức của giáo viên cũng như biểu hiện TDST của học sinh lớp 4 qua dạy học giải toán. Từ đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống biện pháp sư phạm nhằm tháo gỡ khó khăn thực tiễn, giúp học sinh vận dụng linh hoạt các thao tác tư duy và lựa chọn được giải pháp tối ưu trong quá trình giải toán.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

Để có cái nhìn khách quan về việc rèn luyện TDST cho học sinh lớp 4, nghiên cứu được triển khai thông qua việc phối hợp nhiều phương pháp tại 04 trường tiểu học trên địa bàn Phường Bình Thới, bao gồm trường TH Lạc Long Quân, TH Phùng Hưng, TH Nguyễn Bá Ngọc và TH Hàn Hải Nguyên. Đối tượng tham gia khảo sát trực tiếp là 28 giáo viên đang giảng dạy khối lớp 4 cùng 100 học sinh có năng lực học tập khác nhau để

đảm bảo tính đại diện. Công cụ nghiên cứu chính được xây dựng bao gồm hệ thống bảng hỏi, kết hợp với hoạt động dự giờ quan sát thực tế 08 tiết dạy toán và phỏng vấn sâu đội ngũ sư phạm. Nội dung khảo sát tập trung phân tích sự tương quan giữa nhận thức lý luận với kỹ năng thực hành tổ chức các hoạt động dạy học giải toán theo hướng phát triển năng lực sáng tạo.

2.2. Thực trạng nhận thức của giáo viên về rèn luyện tư duy sáng tạo

Bảng 1. Nhận thức của GV về các biểu hiện của TDST trong giải toán

STT	Biểu hiện của TDST trong giải toán	Số lượng (GV)	Tỷ lệ (%)
1	Tìm được nhiều cách giải khác nhau cho một bài toán	25	89,3
2	Tự đặt được bài toán mới hoặc bài toán tương tự	15	53,6
3	Phát hiện cách giải ngắn gọn, thông minh (tính tối ưu)	13	46,4
4	Dự đoán được kết quả hoặc hướng giải nhanh chóng	11	39,3
5	Kết nối bài toán với các tình huống trong thực tiễn	5	17,9

Số liệu tại bảng 1 cho thấy nhận thức của giáo viên chủ yếu tập trung vào tính linh hoạt (89,3%) thông qua việc yêu cầu học sinh tìm nhiều cách giải. Các thành tố quan trọng khác như tính độc đáo thể hiện qua việc đặt bài toán mới hay tính nhạy bén trong kết nối thực tiễn chưa được chú trọng đúng mức, với tỷ lệ chỉ chiếm từ 17,9% đến 53,6%. Điều này chứng tỏ giáo viên vẫn còn lúng túng trong việc xác định đầy đủ các đặc trưng của TDST, dẫn đến việc định hướng rèn luyện cho học sinh còn mang tính phiến diện.

2.3. Thực trạng biểu hiện của học sinh trong giải toán theo hướng phát triển TDST

Kết quả khảo sát từ phía học sinh cho thấy những khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 và năng lực thực tế. Qua phân tích bài làm của 100 học sinh, mức độ hứng thú đối với các bài tập đòi hỏi tính sáng tạo còn ở mức thấp; chỉ có 15% học sinh tỏ ra say mê với các bài toán mở, trong khi đại đa số vẫn cảm

thấy áp lực khi gặp các tình huống toán học mới không có mẫu sẵn. Xét về các thành tố của TDST, tính linh hoạt của học sinh còn nhiều hạn chế. Minh chứng qua bài toán tính giá trị biểu thức (Ví dụ: $145 \times 9 + 145$), dù đây là dạng toán có thể áp dụng tính chất kết hợp để giải nhanh, nhưng có đến 65% học sinh vẫn thực hiện tính toán tuần tự theo quy tắc thông thường. Điều này phản ánh thói quen tư duy rập khuôn, chưa có ý thức tìm kiếm giải pháp tối ưu. Đặc biệt, tính độc đáo – một trong những biểu hiện cao nhất của TDST – chỉ xuất hiện ở khoảng 5% học sinh qua việc tự đề xuất được các cách giải mới hoặc biết cách đặt lại vấn đề từ một dữ kiện toán học cho trước. Phần lớn học sinh (khoảng 50%) hoàn toàn không có hoạt động tìm tòi, mở rộng sau khi đã tìm ra đáp án đầu tiên, cho thấy tinh thần chủ động trong sáng tạo chưa được khơi dậy đúng mức (Xem Bảng 2).

Bảng 2. Mức độ biểu hiện các thành tố TDST của HS qua giải toán

STT	Các biểu hiện của TDST	Mức độ Thường xuyên (%)	Mức độ Hiếm khi/ Không có (%)
1	Linh hoạt tìm cách giải khác nhau	12,0	88,0
2	Đưa ra cách giải ngắn gọn, độc đáo	5,0	95,0
3	Tự đặt đề toán mới từ bài đã giải	3,0	97,0
4	Kiểm tra và đánh giá lại lời giải	30,0	70,0

2.4. Phân tích nguyên nhân của thực trạng

Sự chênh lệch giữa nhận thức và thực hành trong việc rèn luyện TDST cho học sinh xuất phát từ nhiều nhóm nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Thứ nhất, về phía giáo viên, mặc dù đã có ý thức về việc đổi mới phương pháp dạy học, nhưng dưới áp lực về thời lượng chương trình và chỉ tiêu thi đua, nhiều giáo viên vẫn ưu tiên việc rèn luyện kỹ năng giải các dạng toán cơ bản để đảm bảo kết quả kiểm tra định kỳ. Theo kết quả phỏng vấn, 89,3% giáo viên thừa nhận phương pháp dạy học hiện tại vẫn nặng về tính áp đặt, chưa tạo ra các tình huống có vấn đề để học sinh tự do khám phá. Việc khai thác các thiết bị dạy học hiện đại chủ yếu dừng lại ở mức độ trình chiếu nội dung, chưa thực sự trở thành công cụ hỗ trợ cho các hoạt động thực hành sáng tạo của học sinh.

Thứ hai, về phía học sinh, thói quen học tập thụ động, rập khuôn theo bài giảng mẫu của giáo viên đã hình thành một "vùng an toàn" về tư duy. Khi đối mặt với các bài toán mở hoặc yêu cầu tìm giải pháp khác biệt, học sinh thường xuất hiện tâm lý ngại thay đổi và sợ sai. Sự thiếu hụt các hoạt động trải nghiệm toán học gắn với thực tiễn cũng là rào cản khiến học sinh khó hình thành tính nhạy bén và độc đáo trong tư duy.

Thứ ba, về môi trường giáo dục, sự hỗ trợ từ phía gia đình tại địa bàn Phường Bình Thới chủ yếu tập trung vào kết quả điểm số thay vì khuyến khích quá trình tìm tòi của trẻ. Đồng thời, hệ thống các bài tập trong sách giáo khoa hiện nay tuy đã có cải tiến nhưng số lượng bài tập đòi hỏi năng lực TDST cao vẫn còn khiêm tốn, chưa đủ tạo thành một tiến trình rèn luyện thường xuyên và liên tục.

2.5. Các biện pháp rèn luyện TDST cho học sinh lớp 4 trong dạy học giải toán

Dựa trên kết quả khảo sát thực trạng, tác giả đề xuất hệ thống 03 biện pháp sư phạm nhằm cải thiện năng lực TDST cho học sinh, bám sát tiến trình tư duy từ hình thành thao tác đến lựa chọn giải pháp tối ưu.

2.5.1. Biện pháp 1: Tập cho học sinh vận dụng một số thao tác tư duy cơ bản để giải toán

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm vững và vận dụng linh hoạt các thao tác trí tuệ cốt lõi như phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa và khái quát hóa trong quá trình tiếp cận bài toán.

b. Cách thực hiện: Giáo viên hướng dẫn học sinh không vội vàng giải ngay mà phải đi qua các bước: Phân tích giả thiết và kết luận; So sánh với các dạng toán đã biết; Khái quát hóa quy luật để tìm ra phương pháp giải quyết vấn đề một cách có hệ thống.

c. Ví dụ minh họa: Khi dạy bài toán về "Tìm hai số khi biết tổng và hiệu", giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện thao tác so sánh hai đoạn thẳng biểu thị số lớn và số bé, từ đó khái quát hóa được quy luật: Nếu bớt đi phần hiệu ở số lớn thì ta được hai lần số bé.

2.5.2. Biện pháp 2: Tập cho học sinh xem xét vấn đề trên nhiều phương diện khác nhau để tìm nhiều cách giải cho một bài toán

a. Mục tiêu: Bồi dưỡng tính mềm dẻo và linh hoạt của tư duy, giúp học sinh thoát khỏi các lối mòn rập khuôn.

b. Cách thực hiện: Đối với một bài toán, giáo viên khuyến khích học sinh thay đổi góc nhìn (từ số học sang hình học, từ tính toán trực tiếp sang tính chất của phép tính). Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở để học sinh tìm ra các phương án giải quyết khác biệt dựa trên các tính chất toán học đã học.

c. Ví dụ minh họa: Với bài toán tính diện tích hình chữ nhật sau khi tăng/giảm các kích thước, giáo viên hướng dẫn học sinh xem xét trên phương diện tính toán số học (tính kích thước mới) hoặc phương diện hình học (cắt ghép diện tích tăng thêm). Việc nhìn nhận đa chiều này giúp hình thành đặc trưng quan trọng nhất của TDST.

2.5.3. Biện pháp 3: Tập cho học sinh đánh giá, lựa chọn và trình bày giải pháp tối ưu cho bài toán

a. Mục tiêu: Rèn luyện năng lực phản biện, khả năng tự đánh giá và tính nhạy bén trong việc xác định giải pháp hiệu quả nhất.

b. Cách thực hiện: Sau khi đã tìm được nhiều cách giải (ở biện pháp 2), giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận để so sánh tính tiện lợi, tính thẩm mỹ và độ chính xác của từng cách. Học sinh phải giải trình được tại sao cách giải đó là tốt nhất trong ngữ cảnh cụ thể.

c. Ví dụ minh họa: Trong bài tập tính nhanh giá trị biểu thức $145 \times 9 + 145$, học sinh có thể nêu ra 2 cách giải. Tuy nhiên, qua thảo luận dưới sự định hướng của giáo viên, học sinh sẽ nhận ra cách vận dụng tính chất "một số nhân với một tổng" là giải pháp tối ưu vì giúp giảm thiểu các bước tính toán trung gian và hạn chế sai sót.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực trạng rèn luyện TDST cho học sinh lớp 4 qua dạy học giải toán tại các trường tiểu học trên địa bàn Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh đã cho thấy cái nhìn toàn diện về thực trạng giáo dục tại địa phương. Mặc dù đội ngũ giáo viên đã có nhận thức đúng đắn và tích cực về vai trò của TDST theo tinh thần Chương trình GDPT 2018, nhưng kết quả biểu hiện ở học sinh vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là tính linh hoạt và tính độc đáo trong giải quyết vấn đề toán học.

Để khắc phục thực trạng này, việc đổi mới không chỉ dừng lại ở nhận thức mà phải đi vào thực hành sư phạm thông qua việc thiết kế hệ thống bài tập mở, tăng cường các hoạt động rèn luyện khả năng tự đặt vấn đề cho học sinh. Đồng thời, nhà trường và giáo viên cần khai thác hiệu quả hơn nữa các thiết bị dạy học hiện có để biến mỗi tiết dạy toán thành một không gian sáng tạo, giúp học sinh vượt qua những rào cản về tư duy rập khuôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- Vũ Quốc Chung (Chủ biên), Đào Thái Lai, Đỗ Trung Hiệu, Nguyễn Hùng Quang, Lê Tiến Thành, Trần Ngọc Lan, (2007), *Phương pháp dạy học môn Toán ở tiểu học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Tôn Thân (2002), *Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh qua giải toán*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn Cảnh Toàn (2004), *Tập cho học sinh giỏi toán làm quen với nghiên cứu toán học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Trần Thúc Trình (2003), *Tư duy và hoạt động toán học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Guilford, J. P. (1967), *The Nature of Human Intelligence*, McGraw-Hill, New York.